TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 395/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/7/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Nga – *Thẩm phán*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Mai Khanh

2. Bà Phan Thị Thu Thuỷ

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Dịu Thuỳ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 203/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1996

Địa chỉ thường trú: phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh V, sinh năm: 1993

Địa chỉ thường trú: Phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 12/4/2024, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh T trình bày: bà và ông Lê Thanh V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2022 có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 143, đăng ký ngày 24/10/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông bà quen nhau được khoảng 03 tháng thì tiến tới kết hôn. Do thời gian tìm hiểu quá ngắn nên sau khi kết hôn khoảng hơn 01 tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Do hoàn cảnh phát triển khác nhau, gia đình bà thì khó khăn về kinh tế nên áp lực về kinh tế của bà rất lớn. Sau khi cưới thì vợ chồng mắc một

khoản nợ, bản thân bà thì không muốn nợ nần kéo dài nên đề nghị ông V cùng bà tìm công việc làm thêm để tăng thêm thu nhập, nhanh chóng trả nợ để ổn định cuộc sống nhưng ông V chỉ đồng ý bằng lời nói, còn bà không nhìn thấy ông hành động thực tế để cùng bà cố gắng kiếm tiền trả nợ. Dần dần ông bà không có tiếng nói chung, nên khoảng tháng 10/2023 bà đã chuyển ra ngoài sống riêng cho đến nay. Nay bà T xác định vợ chồng bà đã không còn tình cảm với nhau nữa, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh V.

- Về con chung: bà T trình bày trong thời gian chung sống, ông bà không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có.

Tại bản tự khai ngày 10/6/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Thanh V trình bày: Những lời trình bày của bà T về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và con chung là đúng. Những mâu thuẫn gia đình mà bà T đã trình bày thì không hoàn toàn chính xác. Ông bà quen nhau khoảng tháng 2 đến tháng 10/2022 mới tổ chức cưới. Bản thân ông không hề có sự thay đổi gì giữa trước và sau khi cưới. Tuy thời gian từ khi quen nhau đến khi quyết định kết hôn ngắn, nhưng cả hai vợ chồng đều xác định tiến tới kết hôn nên mới tổ chức cưới và đăng ký kết hôn. Do xác định việc kết hôn cả đời mới có một lần nên khi tổ chức kết hôn ông bà đã mắc một số nợ, và ông cũng đã tự mình đứng ra giải quyết vấn đề này, không yêu cầu bà T cùng gánh vác. Nhưng bà T vẫn muốn ông thay đổi, và phải thay đổi ngay cách sống như mong muốn của bà. Ông cũng muốn vợ chồng chung sống hạnh phúc nên cũng đã cố gắng thay đổi nhưng không thể thay đổi nhanh chóng như yêu cầu của bà T được. Trong thời gian chung sống, ông không hề to tiếng hay tác động vật lý gì đến bà T, ông luôn nhường nhịn bà trong mọi vấn đề. Ông cũng phụ giúp bà rất nhiều khi bà bán hàng qua mạng, nhưng bà lại cho rằng ông chẳng làm gì để phụ giúp bà trong cuộc sống. Rồi bà T tự ý chuyển ra ngoài sinh sống mà không có sự đồng ý của ông, cũng không xin phép, thông báo lý do với gia đình hai bên. Sau đó ông cũng đã cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả, gia đình hai bên cũng có khuyên can, nhưng tình hình vẫn không có thay đổi. Nay ông nhận thấy những hành động của bà T là không đúng, gây ra mâu thuẫn quá lớn cho mối quan hệ vợ chồng của ông bà, đã không thể hàn gắn tình cảm được nữa, ông bà cũng không thể quay về chung sống với nhau được nữa. Hiện nay không có cách nào để duy trì mối hôn nhân giữa ông bà T nữa. Tuy nhiên theo ông lý do ly hôn mà bà T đưa ra là không hợp lý nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: trong thời gian chung sống, ông bà không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: ông V tự khai không có.

Tại phiên tòa:

Bà T trình bày: do tính tình và quan điểm sống không phù hợp với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc

được, nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông V. Trong quá trình chung sống, ông bà không có con chung, tài sản chung, nợ chung.

Ông V trình bày: Mâu thuẫn của vợ chồng ông đã quá trầm trọng, ông không thể nào sống chung với bà T được nữa. Tuy nhiên, hôn nhân là vấn đề quan trọng, không phải cứ muốn kết hôn là kết hôn, muốn ly hôn là ly hôn. Vì vậy, dù không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa ông cũng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận A phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông V; Về con chung: không có, về tài sản chung và nợ chung: không có, nên không xem xét. Án phí do nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 143, đăng ký ngày 24/10/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Nguyễn Thanh T và ông Lê Thanh V có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T có đơn xin ly hôn với ông V cư ngụ tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận A thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà T thì nguyên nhân ông bà phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi về cách sống, sinh hoạt, việc xây dựng cuộc sống chung của vợ chồng. Sau khi kết hôn được khoảng 01 năm thì đến khoảng cuối năm 2023 bà T đã chuyển ra ngoài sống riêng cho đến nay. Bà T xác định bà đã không còn tình cảm với ông V, cuộc sống hôn nhân của ông bà không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông V.

Ông V cho rằng trong thời gian chung sống, ông không làm gì có lỗi với bà T, ông cũng đã cố gắng thay đổi bản thân để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, nhưng bản thân bà T đòi hỏi sự thay đổi từ ông quá nhanh, quá nhiều, ông không thể đáp ứng ngay được nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn.

Nhưng những hành động sau đó của bà T bắt đầu bằng việc tự ý chuyển ra ngoài sống riêng mà không có sự bàn bạc, trao đổi với ông, cũng không có xin phép gia đình hai bên, bên cạnh đó là những mối quan hệ không rõ ràng giữa bà T và những người khác phái là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Ông V cũng xác định hiện nay không có cách nào để duy trì mối hôn nhân giữa ông bà T nữa. Tuy nhiên theo ông lý do ly hôn mà bà T đưa ra là không hợp lý nên ông không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…" nhưng theo lời trình bày của bà T và ông V thì giữa bà T và ông V đã không còn sự thấu hiểu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Bà T xác định không còn tình cảm với ông V, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục sống chung với ông V nữa; ông V cũng xác định không còn tình cảm với bà T, không có cách nào duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông V là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T và ông V không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông V khai không có nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thanh T nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T được ly hôn với ông Lê Thanh V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 143, đăng ký ngày 24/10/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông V khai không có nên không đề cập giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thanh T nộp được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009853 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận A;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường J, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thị Hồng Nga